

THÔNG TIN

KHU KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ (QUẢNG TÂY)

I. TÌNH HÌNH CƠ BẢN

Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) là Khu kinh tế được hợp thành bởi các thành phố Bắc Hải, Khâm Châu, cảng Phòng Thành và khu hành chính thuộc thành phố Nam Ninh. Diện tích đất đai là 425.000 km², chiếm 17,9% tổng diện tích toàn Quảng Tây, diện tích mặt biển đạt 129.300 km², là khu vực trọng điểm tiến hành cải cách mở cửa sớm nhất ở Trung Quốc, có vai trò và tác dụng to lớn trong bố cục chiến lược cải cách mở cửa của Trung Quốc, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, vị trí giao thông thuận tiện.

1. Ưu thế khu vực

Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) dựa lưng vào Đại Tây Nam, mặt hướng ra các nước Đông Nam Á, phía Đông liền kề với đồng bằng Chu Giang, nằm ở giao điểm của ba khu vực là Khu vực mật dịch tự do Trung Quốc – ASEAN, vành đai kinh tế vùng Chu Giang mở rộng và vành đai kinh tế Đại Tây Nam, là khu vực ven biên, ven biển duy nhất phía Tây của Trung Quốc, là đường ra biển tiện lợi nhất của khu vực phía Tây, vừa là cầu nối và cơ sở quan trọng giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, là cửa ngõ và tiền phương quan trọng trong mở cửa đối ngoại, đi ra các nước ASEAN, đi

ra thế giới. Ưu thế vị trí nổi trội, vị trí chiến lược rõ nét.

2. Ưu thế tài nguyên

Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) có nguồn tài nguyên bến cảng, tài nguyên du lịch, tài nguyên sinh vật biển, khoáng sản, động thực vật, dung lượng môi trường lớn, đất đai rộng rãi, tiềm năng phát triển lớn, có thể tạo nguồn năng lượng để cho khu kinh tế cất cánh.

Tài nguyên bến cảng: Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) có vị trí địa lý quan trọng, tuyến bờ biển khúc khuỷu và dài hơn 1500 km, nước sâu điều kiện tốt, tài nguyên bến cảng rất phong phú, có tiềm năng phát triển lớn;

Tài nguyên du lịch: Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) có bờ biển đẹp, tài nguyên du lịch phong phú. Có thủ phủ Nam Ninh tươi đẹp được mệnh danh là “thành phố xanh” của Trung Quốc, có bãi biển bạc Bắc Hải được xem là “Bãi biển đẹp nhất Trung Quốc”, ngoài ra còn có vịnh Tam Nương Khâm Châu, khu thắng cảnh Kinh Đảo cảng Phòng Thành, công viên rừng rậm quốc gia Thập vạn sơn Thượng Tư...

Tài nguyên sinh vật biển: Vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) có nhiều cảng tự nhiên, tài nguyên sinh vật biển phong phú là một trong bốn ngư trường nhiệt đới nổi tiếng của Trung Quốc. Có hơn 500 loài cá, hơn 220 loại tôm cua, biển nông có hơn 50 loài cá kinh tế, hơn 20 loại tôm cua kinh tế. Vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây)

còn là nơi sản xuất “Ngọc trai phương Nam” nổi tiếng.

Tài nguyên khoáng sản, năng lượng: Các loại khoáng sản đã thăm dò có rất nhiều tiềm năng khai thác. Đáy vịnh Bắc Bộ có nguồn khí thiên nhiên và dầu khí phong phú tiềm năng khai thác lớn. Năng lượng thủy triều và năng lượng sóng biển có tiềm năng khai thác lớn, lượng điện phát hàng năm lên tới 1,08 tỷ KW.

Tài nguyên động thực vật: Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) có ánh nắng mặt trời chan hoà, lượng mưa phong phú, rất thích hợp cho các loại thực vật nông, lâm và cây công nghiệp Á nhiệt đới. Đồng thời, có tài nguyên rừng rậm, thảo dược phong phú hơn 300 loại như Sa Nhân, Hoài Sơn, Phù Linh, Ngân Hoa, vỏ quế, ...

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Mấy năm lại đây, Quảng Tây thông qua “chiến dịch” xây dựng cơ sở hạ tầng đã cải thiện điều kiện về mạng đường sá, hệ thống cung cấp điện, nước, luồng lạch thuyền bè của ba thành phố Khâm Châu, Bắc Hải và cảng Phòng Thành.

Ba cảng lớn Khâm Châu, Bắc Hải, Phòng Thành có lưu lượng bốc dỡ hàng năm 2006 đạt 34,56 triệu tấn, giác mở của Tôn Trung Sơn về “cảng lớn phía Nam” đã biến thành hiện thực.

Vị trí cảng biển tốt, tuyến hàng hải đã thúc đẩy sự liên kết của đường bộ, đường sắt và hàng không tạo lên mạng lưới vận tải lập thể “con đường tơ lụa” trên biển, trên bộ và hàng không.

Đường cao tốc dài nhất trong tỉnh đã liên thông toàn khu kinh tế. Tuyến đường Tương Quế (Hồ Nam-Quảng Tây), tuyến đường Nam Côn (Nam Ninh-Côn Minh), tuyến Nam Ninh-Phòng Thành, tuyến Lê Khâm đã làm cho Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ nối thông với các tuyến Bắc Kinh-Quảng Đông, Quý Châu - Quảng Tây, và nối liền với tuyến đường sắt Liễu Châu, kết nối trực tiếp với mạch đường sắt lớn của toàn quốc.

Đường hàng không tăng thêm thế mạnh, sân bay Nam Ninh là cảng hàng không quốc tế của khu vực Hoa Nam, xuất phát từ Nam Ninh có thể bay thẳng tới các thành phố chủ yếu trong nước, tới Hồng Công, Ma Cao và các nước Đông Nam Á. Sân bay Bắc Hải có máy bay tới các thành phố lớn như Bắc Kinh, Quảng Châu,...

Hệ thống cung cấp nước, hệ thống thông tin đã bao phủ toàn khu, ba nhà máy nhiệt điện sắp đi vào vận hành, nhà máy điện hạt nhân cũng đang gấp rút hoàn thành.

4. Khu kinh tế từng bước phát triển mạnh

Nam Ninh, Khâm Châu, Bắc Hải, Phòng Thành là tiền phương trong cải cách mở cửa của Quảng Tây. Năm 2005, GDP của 4 thành phố trên đạt 981,6 tỷ NDT, thu nhập tài chính đạt 121,5 tỷ NDT. Năm 2000, cơ cấu các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ là 31,1: 26,0: 42,9%, tới năm 2005 đạt 22,3: 32,4: 45,2%. Mức độ đô thị hoá đạt 32,1%, tăng 11,5% so với năm 2000. Công nghiệp ven biển có đà phát triển tốt, giá trị công nghiệp gia tăng đạt 30,06 tỷ

NDT, chiếm 23,1% tổng giá trị công nghiệp gia tăng của toàn khu. Ngành dịch vụ cũng có đà phát triển tốt, giá trị gia tăng ngành dịch vụ đạt 54,3 tỷ NDT, chiếm 34,9% của toàn tỉnh. Kinh tế biển và các ngành nghề kỹ thuật cao mới không ngừng lớn mạnh. Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) đã dần hình thành và nảy sinh đòi hỏi khách quan phải tập hợp nguồn lực, cùng xây dựng môi trường, phân công hợp tác, nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh tổng hợp.

II. PHƯƠNG LƯỢC CƠ BẢN

Quảng Tây xuất phát từ tình hình thực tiễn, đẩy mạnh mở cửa phát triển toàn diện khu vực, xác định được mục tiêu tổng thể và điểm đột phá:

1. Mục tiêu tổng thể đẩy mạnh mở cửa phát triển Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây). *Mục tiêu tổng thể là:* lấy xây dựng bến cảng làm đầu tàu, lấy phát triển công nghiệp ven biển làm trọng điểm, lấy xây dựng cơ sở hạ tầng làm bảo đảm, lấy các dải đô thị làm chỗ dựa, lấy phát triển đổi mới làm động lực, ra sức phấn đấu trong thời kỳ “5 năm lần thứ XI”, làm cho cơ sở hạ tầng của toàn vùng tương đối hoàn thiện, cảng biển có sức cạnh tranh tổng hợp mạnh, bố cục ngành nghề nhất thể hoá từng bước hình thành. Sau đó qua phấn đấu các năm tiếp theo, cuối cùng xây dựng vùng này thành các dải đô thị có ảnh hưởng nhất tại vùng phía Tây Nam Trung Quốc, trở thành trung tâm chế tạo, doanh vận, ngoại thương, thông tin, tiền tệ và giao lưu văn hoá trong Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN.

2. Trọng điểm công tác trong đẩy mạnh xây dựng Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây):

- Đẩy mạnh xây dựng các tổ hợp cảng lớn ven biển. Trong thời kỳ “5 năm lần thứ XI”, coi việc xây dựng các tổ hợp cảng lớn ven biển ở khâu nổi trội, đẩy mạnh cải cách thể chế phát triển, xây dựng và quản lí các cảng khẩu, thúc đẩy tập hợp nguồn lực các cảng ven biển, quy hoạch thống nhất và xây dựng ba cảng lớn là Phòng Thành, Khâm Châu và Bắc Hải, đẩy mạnh bước sắp xếp lại các cảng khẩu, hình thành cơ chế kinh doanh nhất thể hoá vịnh Bắc Bộ, nâng cao năng lực cạnh tranh tổng hợp của cảng khẩu. Đồng thời, nâng cao trình độ kỹ thuật bốc xếp của bến cảng, hoàn thiện hệ thống vận tải kết nối với đường sắt và đường bộ, cố gắng để năng lực ăn nhả hàng của bến cảng ven biển tăng lên 80 triệu tấn vào năm 2010.

- Đẩy mạnh xây dựng dải đô thị Nam Ninh-Bắc Hải-Khâm Châu-Pông Thành. Trong thời kỳ “5 năm lần thứ XI”, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng các thành phố trên, hoàn thiện công năng, phát triển lớn mạnh kinh tế thành thị. Đồng thời, loại bỏ các trở ngại thị trường, thúc đẩy lưu động tự do các yếu tố sản xuất trên cơ sở cơ chế thị trường. Ra sức xây dựng Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) trở thành các thành phố trung tâm lấy Nam Ninh, Bắc Hải, Khâm Châu, Phòng Thành làm trung tâm, lấy các huyện và trấn xoay quanh làm vệ tinh, phân công hợp lí, bổ sung chức năng cho nhau, phối hợp phát triển kinh tế-chính trị và văn hoá, hình thành dải đô thị có

sức ảnh hưởng lớn ở phía Tây Nam Trung Quốc.

- Đẩy mạnh bố cục các ngành nghề lớn và xây dựng các hạng mục ngành nghề lớn. Đẩy mạnh xây dựng các ngành hoá dầu, ngành giấy, năng lượng, luyện kim và các ngành phụ trợ ven biển. Làm tốt mấy trọng điểm sau: *Một là*, xây dựng cơ sở lọc dầu ven biển; *Hai là*, xây dựng cơ sở nhất thể hoá giữa ngành lâm nghiệp-tương giấy-sản xuất giấy; *Ba là* xây dựng các cơ sở năng lượng ven biển; *Bốn là* xây dựng cơ sở gang thép ven biển, tích cực xây dựng ngành gang thép, quy hoạch bố cục các hạng mục đóng và sửa chữa tàu hạng lớn, chế tạo công-ten-nơ; *Năm là*, xây dựng các cơ sở sản xuất nhôm. Cố gắng phấn đấu từ 5-10 năm và dài hơn nữa để đưa Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) trở thành khu công nghiệp có thực lực nhất của Quảng Tây.

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng ven biển. Trên cơ sở hoàn thành các công trình hạ tầng lớn giai đoạn I, kế hoạch khởi động các công trình giai đoạn II từ năm 2006. Đồng thời trên cơ sở nhu cầu xây dựng các tổ hợp cảng và dải đô thị, cải thiện hơn nữa môi trường cứng khu vực ven biển, tạo cơ sở vững chắc cho phát triển trung và dài hạn.

III. ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng quy hoạch khởi điểm cao, chất lượng cao

Năm 2006, chủ yếu xây dựng 9 quy hoạch: quy hoạch khu kinh tế, quy hoạch dải đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển giao thông tổng hợp, quy hoạch xây dựng tổ hợp cảng lớn, quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên nước,

quy hoạch phát triển công nghiệp ven biển, quy hoạch phát triển ngành dầu khí và các ngành phụ trợ, quy hoạch bảo vệ môi trường sinh thái đất liền và biển. Mời hoặc ủy thác cho các cơ quan có uy tín của nhà nước tham gia xây dựng quy hoạch, mời các chuyên gia quốc tế tham gia thẩm định.

2. Mở rộng mở cửa đối nội và đối ngoại, đẩy mạnh hợp tác vùng trong nước và quốc tế. Đi sâu thực hiện chiến lược mở cửa cùng có lợi và cùng thắng, chiến lược hợp tác vùng “dựa vào phía Đông, liên kết với miền Tây, phát triển xuống phía Nam”, tích cực chủ động tham gia liên kết hợp tác giữa các tỉnh, khu trong vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ, tích cực chủ động hợp tác với các nước ven vịnh Bắc Bộ, đặc biệt là Việt Nam, lấy đại khai phát để thúc đẩy hợp tác lớn, phát triển mạnh.

3. Xây dựng chính sách khuyến khích, vận dụng cơ chế thị trường thúc đẩy mở cửa phát triển toàn diện. Đổi mới trợ giúp chính sách và hơn nữa là tập trung nguồn lực, phát huy ưu thế của các bên, mở rộng nhịp độ kêu gọi đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và sử dụng nhân tài các bên. Kết hợp giữa chính sách trợ giúp Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) với chính sách phát triển miền Tây của Nhà nước, chính sách mở cửa đối ngoại vùng ven biển, phát huy hiệu ứng tổng hợp của từng chính sách. Bảo đảm cho các chủ thể được tiếp cận thị trường công bằng, phát huy ưu thế của cơ chế thị trường trong phân bổ nguồn lực. Khuyến khích phát triển kinh tế phi công hữu, khuyến khích kinh tế phi công hữu tham gia các lĩnh vực xây dựng với nhiều phương thức như tham gia cổ phần, đầu

tư toàn bộ, cùng góp vốn, hợp tác hoặc tham gia hạng mục..v.

4. Qui hoạch thống nhất thúc đẩy xây dựng các hạng mục ngành nghề lớn và cơ sở hạ tầng. Một mặt, khởi công, hoặc tiên thi công các công trình như: nhà máy lọc dầu triệu tấn Khâm Châu, hạng mục nhà máy giấy Khâm Châu - Bắc Hải, hạng mục công trình gang thép cảng Phòng Thành, hạng mục nhà máy điện hạt nhân. Mặt khác, xoay quanh các ngành luyện kim, hoá dầu, công nghiệp giấy... các ngành phụ trợ. Kết hợp với ưu thế cảng biển, lợi dụng đầu tư của các nước Đông Nam Á, bắt tay quy hoạch các hạng mục chế tạo gia công lớn. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn II với trọng điểm là các công trình luồng lạch, cấp nước, đường sá, mạng điện.

5. Xây dựng môi trường đầu tư tiên tề, xây dựng thành công ty kinh doanh nhất thể hoá cảng biển. Để tập hợp vốn tốt hơn, dự định sẽ thành lập công ty đầu tư phát triển vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) thành môi trường đầu tư góp vốn và là chủ thể đầu tư, phụ trách các hạng mục kinh doanh, đầu tư kinh doanh... Căn cứ theo nguyên tắc thị trường hoá, lấy tài sản làm khớp nối, thúc đẩy thống nhất quy hoạch tài nguyên, thống nhất xây dựng và thống nhất quản lí, xây dựng công ty tập đoàn cảng vụ vịnh Bắc Bộ.

Hiện nay, công tác quy hoạch vùng và quy hoạch dải đô thị Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây) đã hợp tác với cơ quan có uy tín của Nhà nước và trưng bày mô hình lớn tại Hội chợ triển lãm Trung Quốc-ASEAN lần thứ III; “*Mấy ý kiến về thúc đẩy mở cửa phát triển Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ (Quảng Tây)*” đang

được đưa tới các ban ngành để trưng cầu ý kiến.

Từ ngày 26 đến 27- 7-2007, Diễn đàn Hợp tác kinh tế vịnh Bắc Bộ mở rộng lần II đã diễn ra tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc. Diễn đàn đưa ra Tuyên bố Chủ tịch, nhấn mạnh: Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ Quảng Tây sẽ là khu phát triển trọng điểm trong khai phát miền Tây, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp có hiệu quả để hỗ trợ xây dựng phát triển, làm cho nó trở thành đầu ra và khớp nối mở cửa đối ngoại của khai phát miền Tây, thành cơ sở doanh vận khu vực giữa Trung Quốc và ASEAN, trở thành cơ sở thương mại, gia công, trung tâm trao đổi thông tin, thành khu mẫu hợp tác mở cửa đối với ASEAN. Khu kinh tế vịnh Bắc Bộ đang tiến hành quy hoạch xây dựng hệ thống kho doanh vận ngoại quan để thúc đẩy mở rộng hợp tác doanh vận cảng biển và mậu dịch gia công giữa Quảng Tây với các nước vùng vịnh Bắc Bộ mở rộng.

ĐỨC CẨN sưu tầm

ĐIỂM SÁCH

PHỤ NỮ NÔNG THÔN Ở CÁC ĐÔ THỊ TRUNG QUỐC: GIỚI, DI CƯ, VÀ SỰ THAY ĐỔI XÃ HỘI. (RURAL WOMEN IN URBAN CHINA: GENDER, MIGRATION AND SOCIAL CHANGE)

Tác giả: Tamara Jacka. (Armonk and London: M. E. Sharpe. 2006), 332 tr.

Cuốn sách này là một đóng góp quý giá cho kho sách báo viết về phụ nữ nông thôn di cư ra thành phố ở Trung Quốc. Cơ sở của cuốn sách là những cuộc phỏng vấn mà tác giả thực hiện từ năm 1999

đến 2002 ở một khu vực ngoại ô phía Tây- Bắc thành phố Bắc Kinh. Tác giả cho thấy người nông thôn di cư ra thành phố kiếm việc làm thường bị coi, và tự coi mình, là “thấp kém và lạc hậu”.

Cuốn sách mở đầu bằng cảnh một gia đình di cư sống ở một nơi tồi tàn, tại đó rác rưởi ít khi được thu dọn, và mùi hôi thối thường xuyên bốc ra từ các nhà vệ sinh công cộng. Gia đình này đã sống như vậy trong bảy năm, con cái họ không được nhận vào các trường công lập nên phải theo học ở một trường được đặc biệt thành lập cho dân di cư. Đêm đến, cảnh sát lại cho xe tải tới chở những người bị coi là “cư trú bất hợp pháp” đi nơi khác, có tin đồn tất cả các ngôi nhà ở đó đều sẽ bị phá để cảnh quan trở nên quang đãng, chuẩn bị cho đại hội olympic 2008.

Jacka tập trung vào lời giải thích của phụ nữ di cư, cho biết vì sao họ quyết định rời quê hương, sự tương phản giữa thành thị và nông thôn, hy vọng của họ trong tương lai, và quan hệ của họ với người khác. Công trình nghiên cứu này phản ánh tính đa dạng của dân di cư, vì quần chúng cung cấp thông tin cho tác giả bao gồm cả phụ nữ đã có chồng con và người độc thân, kẻ mới đến và người di cư tới từ lâu, người làm nghề giúp việc gia đình, công nhân nhà máy, nữ chiêu đãi viên, và dân buôn bán ở chợ.

Một phụ nữ đã kể cho tác giả nghe sự phiền hà mà hộ tịch nông thôn gây ra cho cuộc sống của chị cũng như chồng con chị. Lúc chị lấy chồng có hộ khẩu ở Bắc Kinh, chồng chị mất quyền được cấp chỗ ở vì hộ khẩu của chị ở nông thôn. Gia đình chị phải thuê một căn hộ đắt tiền, chị không được phép đăng ký cho

đưa con gái mới sinh ở Bắc Kinh vì chị là người mẹ từ nơi khác tới, làng chị ở Hồ Bắc cũng từ chối đăng ký cho con chị vì chị lấy chồng không phải ở làng. Chị kể về việc đi lại giữa Bắc Kinh và làng chị, các giấy tờ phải nộp, các bản sao chụp đã làm, và phí tổn phải gánh vác để giải quyết những vấn đề đó.

Tác giả rất hiểu tính phức tạp của cuộc sống dân di cư, động cơ của họ, và ý thức về nhân thân họ. Thí dụ, bà thấy rất ít người bị gia đình gửi đến Bắc Kinh, mà chính những người đó tự quyết định ra thành phố, nhưng như thế chẳng có nghĩa là gia đình họ không có ảnh hưởng tới quyết định của họ. Nhiều cô gái quyết định ra đi, vì gia đình quá nghèo không thể cho họ đi học, hoặc gia đình cần tiền của họ gửi về. Các cô gái đó có thể là “đứa con hiếu thảo”, muốn kiếm việc làm ở thành phố để giúp gia đình, có thể là “đứa con gái ngỗ ngược”, rời bỏ làng quê để biết đây biết đó. Tác giả tỏ ra rất sắc sảo khi nói về phụ nữ đã có gia đình, cách tính toán của những người đó trước khi theo chồng ra thành phố, vì đô thị rất ít có công việc khác cho phụ nữ di cư đã có chồng con.

Những ai quan tâm đến vấn đề di cư của dân nông thôn ra thành phố, đến thị trường lao động đều nên đọc công trình nghiên cứu này. Qua cuốn sách, ta thấy suy nghĩ của tác giả đã thể hiện sự đồng cảm với phụ nữ nông thôn muốn tìm kế sinh nhai ở thành thị, và sự hiểu biết rộng rãi của bà về sách báo nói về xã hội Trung Hoa.

ĐỖ TRỌNG QUANG.